

Bản án số: 864/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21/11/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – *Thẩm phán*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tăng Mỹ H, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Đường số B, phường L, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/7/2019)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hồng T, sinh năm: 1974

Địa chỉ: đường S, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 04/3/2019, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tăng Mỹ H trình bày: bà và ông Huỳnh Hồng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, đăng ký ngày 06/9/1997 tại UBND Phường I, Quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, thời gian đầu ông bà sống chung hạnh phúc. Khoảng năm 2003 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng bất hòa và phát sinh nhiều áp lực trong cuộc sống. Sự việc kéo dài đến khoảng tháng 8/2010, bà H không chịu đựng được cuộc sống như vậy nữa nên bà đã bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Trong suốt thời gian đó, ông T thường qua nhà mẹ ruột của bà chửi bới, lăng mạ bà, ông T không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng đến bà, vì vậy tình

cảm, tình nghĩa vợ chồng dần dần không thể cứu vãn được nữa. Nay bà H xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Tăng Mỹ H yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Hồng T.

- Về con chung: bà H trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có 02 con chung tên Huỳnh Tân Th (nam), sinh ngày 03/02/1998 và Huỳnh Tân Th2 (nam), sinh ngày 21/01/1999, cả hai con chung đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: bà H khai không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Huỳnh Hồng T đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng nhưng ông T không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T. Tại phiên tòa ngày 31/10/2019 và ngày 21/11/2019, ông T vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Huỳnh Hồng T, xác minh tình trạng hôn nhân của bà H và ông T tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T là phù hợp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: các con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; tài sản chung: bà H khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 33, đăng ký ngày 06/9/1997 tại UBND Phường I, Quận A, TP. Hồ Chí Minh thì bà Tăng Mỹ H và ông Huỳnh Hồng T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H có đơn xin ly hôn với ông T cư ngụ tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà H thì đến khoảng năm 2003, vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bất hòa và phát sinh nhiều áp lực trong cuộc sống. Sự việc kéo dài đến khoảng tháng 8/2010, bà H không chịu đựng được cuộc sống như vậy nữa nên bà đã bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Trong suốt thời gian đó, ông T thường qua nhà mẹ ruột của bà chửi bới, lăng mạ bà, ông T không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng đến bà, vì vậy tình cảm, tình nghĩa vợ chồng dần dần không thể cứu vãn được nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Huỳnh Hồng T đến Tòa để ghi nhận ý kiến của ông và tham gia tố tụng, nhưng ông T không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng giữa vợ chồng bà H và ông T không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; ông T và bà H đã không còn chung sống từ năm 2010 đến nay, bà H xác định không còn tình cảm với ông T, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tòa án đã nhiều lần triệu tập cả ông T và bà H đến Tòa làm việc, tạo điều kiện để ông bà có thể hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T không đến Tòa làm việc, điều này thể hiện thái độ thờ ơ, không quan tâm của ông T đối với việc hàn gắn tình cảm, cùng nhau hòa giải để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà H được ly hôn với ông T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Tân Th (nam), sinh ngày 03/02/1998 (theo giấy khai sinh số 25, quyển số 01/98 đăng ký ngày 12/02/1998 tại UBND Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) và Huỳnh Tân Th2 (nam), sinh ngày 21/01/1999 (theo giấy khai sinh số 15, quyển số 01/99 đăng ký ngày 29/01/1999 tại UBND Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), cả hai con chung đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H khai không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Tăng Mỹ H nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Mỹ H được ly hôn với ông Huỳnh Hồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33, đăng ký ngày 06/9/1997 tại UBND Phường I, Quận A, TP. Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Tân Th (nam), sinh ngày 03/02/1998 và Huỳnh Tân Th2 (nam), sinh ngày 21/01/1999, cả 02 con chung đều đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: bà H khai không có nên không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Tăng Mỹ H nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010951 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận A;
- Ủy ban nhân dân Phường I, Quận A, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Thị Hồng Nga
(đã ký và đóng dấu)**